

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2021

V/v *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Liên; Bà Bùi Thị Quy.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2021 tại nhà văn hoá khu Đ, thị trấn S, huyện N, tỉnh Hải Dương, Toà án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 61/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1995;

ĐKHKT: Khu H, thị trấn S, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn G, sinh năm 1990;

ĐKHKT: Khu H, thị trấn S, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại 3 – Trại giam H; Địa chỉ: V, C, Hải Dương; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn G1, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1964; Điều trú tại: Khu H, thị trấn S, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Phạm Thị Ngà trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh anh Trần Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 08/12/2014 tại UBND thị trấn Nam Sách, Nam Sách, Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng nhau ở khu Khu H, thị trấn S, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và ở cùng với bố mẹ đẻ của anh G. Quá trình vợ chồng chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, tính cách, hai vợ chồng đều không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế phụ thuộc hoàn toàn vào bố đẻ anh G. Tháng 5/2018 anh G đánh nhau bị Công an khởi tố vụ án hình sự, tháng 4/2019 Toà án nhân dân huyện Nam Sách xét xử sơ thẩm, tháng 9/2019 Toà án nhân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm xử phạt anh G 4 năm 9 tháng tù. Đến tháng 10/2019 anh G đi chấp hành án tại Phân trại 3 (K3) Trại giam H. Do mâu thuẫn từ trước, vợ chồng không còn tính cảm nên chị ít đi thăm gặp anh G. Thời gian anh G đi chấp hành án, chị ở cùng với bố mẹ anh G nhưng do không phù hợp về quan điểm sống nên đã xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 10/2010 chị chuyển về sống ở nhà bố mẹ đẻ tại M, Đ, N, Hải Dương. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh G, sau này khi anh G chấp hành xong án thì anh chị cũng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Gióng.

Về con chung: Chị và anh G có 02 con chung là Trần Đức N1, sinh ngày 04/9/2015 và Trần Phi Y, sinh ngày 21/02/2018. Hiện nay con chung Trần Đức N1 đang ở với ông bà nội là Trần Văn G1, Phạm Thị T, còn con chung Trần Phi Y đang ở với chị. Chị xin được nuôi con chung Trần Phi Y, để cho anh G nuôi con chung Trần Đức N1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh G uỷ quyền cho ông G1, bà T chăm sóc con Trần Đức N1 trong thời gian anh G chấp hành án phạt tù, chị đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh G không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Trần Văn G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Xác nhận lời trình bày của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Quá trình anh và chị N sống đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn nhưng sau đó lại hòa thuận. Tháng 5/2018 anh tham gia đánh nhau và bị khởi tố hình sự, tháng 4/2019 Toà án nhân dân huyện Nam Sách xét xử sơ thẩm, tháng 9/2019 Toà án nhân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm xử phạt anh 4 năm 9 tháng tù. Đến tháng 10/2019 anh đi chấp hành án tại Phân trại 3 (K3) Trại giam

H, C, Hải Dương. Kể từ khi anh đi chấp hành án chị N không quan tâm, không đến thăm gặp anh. Theo bố mẹ anh kể lại chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 10/2020. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn vì xác định vợ chồng không còn tình cảm, sau này khi anh chấp hành án về cũng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nữa.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Trần Đức N1, sinh ngày 04/9/2015 và Trần Phi Y, sinh ngày 21/02/2018. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị giao con chung Trần Đức N1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Phi Y cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Do hiện nay anh đang phải chấp hành án không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con anh ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Trần Văn G1, bà Phạm thị T thay anh chăm sóc con Trần Đức N1 trong thời gian anh đi chấp hành án.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn G1, bà Phạm Thị T trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh G. Anh G chị N kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nam Sách. Sau khi kết hôn vợ chồng anh G ở cùng với ông bà ở khu H, thị trấn S. Quá trình anh G chị N chung sống cũng đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhưng không phải mâu thuẫn lớn, chị N không có việc làm, anh G phụ giúp ông bà công việc ở vùng vườn nên mọi chi tiêu của vợ chồng anh chị đều do ông bà hỗ trợ. Kể từ khi anh G phải đi chấp hành án phạt tù, chị N thay đổi tính cách, không quan tâm, không đi thăm gặp anh G. Tháng 10/2020 ông bà bắt gặp chị N có quan hệ với người đàn ông khác nên đưa chị N về nhà bố mẹ đẻ để hai gia đình cùng khuyên bảo nhưng chị N không nghe và nói rằng chị không còn tình cảm với anh G nên anh chị sẽ ly hôn. Nay chị N xin ly hôn anh G ông bà đề nghị giải quyết theo quan điểm của anh chị. Về con chung: Chị N, anh G có hai con chung là Trần Đức N1, Trần Phi Y, hiện nay cháu N vẫn ở cùng với ông bà, còn cháu Y đang ở với chị N. Anh G có nguyện vọng được nuôi con chung Trần Đức N1 nhưng do đang phải chấp hành án trong trại giam nên ủy quyền cho ông bà chăm sóc cháu N1, ông bà nhất trí.

Người làm chứng bà Mạc Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Phạm Thị N. Bà không ở cùng nên không chứng kiến mâu thuẫn của anh G chị N mà chỉ nghe chị N kể lại. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh chị tính cách còn trẻ, không có việc làm, kinh tế phụ thuộc hoàn toàn vào bố mẹ đẻ của anh G. Kể từ khi anh G đi chấp hành án tại trại giam thì chị N cũng không đi thăm gặp vì không còn tình cảm nữa. Thời gian chị N ở chung với bố mẹ chồng do khác biệt

về quan điểm sống nên đã nảy sinh mâu thuẫn. Tháng 10/2020 vợ chồng ông G1 giao trả chị N cho gia đình bà và nói không chấp nhận người con dâu như vậy. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh G1, bà đề nghị Toà án giải quyết để hai bên ổn định cuộc sống. Về con chung: Vợ chồng chị N có 2 con chung là Trần Đức N1, Trần Phi Y. Hiện nay cháu Y đang ở với chị N và ở chung với ông bà, điều kiện về chỗ ở đảm bảo cho mẹ con chị N sinh sống. Thời gian chị N đi làm bà là người hỗ trợ chị N chăm sóc cháu Y.

Theo biên bản xác minh với ông Nguyễn Hữu V – Trưởng khu H: Anh G, chị N kết hôn từ năm 2014 và đã có hai con chung. Về mâu thuẫn của anh G, chị N khu dân cư không rõ vì không có ai đề nghị hòa giải mâu thuẫn. Tháng 10/2019 anh G phải đi chấp hành án phạt tù còn chị N vẫn ở với vợ chồng ông G1, bà T. Đến tháng 10/2020 chị N đưa con nhỏ là cháu Y về nhà về nhà bố mẹ đẻ sống, còn con lớn là cháu N1 vẫn ở cùng với vợ chồng ông G1. Vợ chồng ông G1 làm trang trại tại địa phương, sức khỏe tốt và rất quan tâm chăm lo cho cháu N1.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn chị N giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh G vì xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung đề nghị cho chị được nuôi con chung là Trần Phi Y giao con chung Trần Đức N1 cho anh G nuôi dưỡng, anh G ủy quyền cho ông G1, bà T chăm sóc con chung chị nhất trí. Về tài sản chung nợ chung không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông G1, bà T giữ nguyên các quan điểm đã trình bày, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh G. Hiện nay do anh G vẫn phải chấp hành án phạt tù nên ông bà đồng ý nhận sự uỷ quyền của anh G về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con giúp anh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị N ly hôn anh G; Về con chung: Do anh G đang phải chấp hành hình phạt tù nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi con, đề nghị giao cả 2 con chung Trần Đức N1 Trần Phi Y cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Văn G đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu H, thị trấn S, huyện N, Hải Dương, hiện anh G đang chấp hành án tại Trại giam H, C, Hải Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn G được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh G có đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh G.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N, anh Trần Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 08/12/2014, tại UBND thị trấn S, N, Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị N trình bày quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cả hai anh chị đều không có nghề nghiệp, kinh tế phụ thuộc vào bố mẹ nên dẫn đến bất đồng quan điểm, tính cách, tháng 10/2019 anh G phải đi chấp hành án phạt tù, kể từ đó chị cũng không quan tâm, không đi thăm gặp anh G, chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh G. Anh G thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng sau đó lại hòa thuận, kể từ khi anh phải đi chấp hành án thì chị N không còn quan đến anh, nay anh nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, sau này vợ chồng cũng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, chị N xin ly hôn anh đồng ý. Xét thấy lời khai của chị N, anh G về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng. Do đó có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn giữa chị N và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị N ly hôn với anh G.

[2] Về quan hệ con chung: Chị N, anh G có 02 con chung là Trần Đức N1, sinh ngày 04/9/2015 và Trần Phi Y, sinh ngày 21/02/2018. Chị N, anh G đều nhất trí quan điểm đề nghị giao con chung Trần Đức N1 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Trần Phi Y cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Do hiện nay anh G vẫn đang phải chấp hành án tù giam nên ủy quyền cho ông Trần Văn G1, bà Phạm Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Đức N1. Ông G1, bà T nhất trí nhận sự ủy quyền của anh G. HĐXX thấy hiện nay cháu N1 đang ở với ông G1, bà T1, cháu Y1 đang ở với chị N1, theo xác minh tại khu dân cư, ông G1, bà T1 đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1, nên đề nghị của

đương sự về nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp, đảm bảo các điều kiện để con trẻ chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị N, anh G, giao con chung Trần Phi Y cho chị N trực tiếp, giao con chung Trần Đức N1 cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm giao con chung Trần Văn N1 cho ông Trần Văn G1, bà Phạm Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh G chấp hành án phạt tù.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh G trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết

[4] Về án phí: Chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Trần Văn G.
2. Về con chung: Giao con chung là Trần Phi Y, sinh ngày 21/02/2018 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trần Đức N1, sinh ngày 04/9/2015 cho anh Trần Văn G trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị N, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Tạm giao con chung Trần Đức N1 cho ông Trần Văn G1, bà Phạm Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh G chấp hành án phạt tù.
3. Án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2018/0004302 ngày 29 tháng 4 năm 2021.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Đường sự;
- UBND TT Nam Sách;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy